

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ T
TỈNH BÌNH DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 56/2024/DS-ST.
Ngày: 29/5/2024.
V/v: Yêu cầu chấm dứt hành vi
cản trở trái pháp luật đối với
quyền sử dụng đất

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ T, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Ngọc Chung.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Đặng Minh Lý.
- Bà Nguyễn Thị Hồng Thanh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Cao Minh Thư - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố T tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Hoài - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 248/2023/DS-ST ngày 22 tháng 5 năm 2023 về việc “Yêu cầu chấm dứt hành vi cản trở trái pháp luật đối với quyền sử dụng đất” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 50/2024/QĐXXST-DS ngày 12 tháng 4 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 34/2024/QĐST-DS ngày 06 tháng 5 năm 2024, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Lý Bích L1, sinh năm 1984; địa chỉ: Số A, tổ B khu phố C, phường Chánh N, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

1.1 *Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn:* Ông Ngô Công H, sinh năm 1995; Hộ khẩu thường trú: Tổ D, khu E, thị trấn Tân B, huyện Bắc Tân U, tỉnh Bình Dương; địa chỉ liên lạc: Số F, đường Huỳnh Văn L, phường Phú L, thành phố T, tỉnh Bình Dương; là người đại diện theo ủy quyền của bà Lý Bích L1 (Văn bản ủy quyền ngày 13/3/2023). Có đơn xin vắng mặt

1.2 *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn:* Luật sư Trịnh Văn S - Công ty Luật Hợp danh Nam Việt Luật, thuộc Đoàn luật sư thành phố Hồ Chí Minh. Có đơn xin vắng mặt

2. *Bị đơn:*

2.1 Ông Lý T, sinh năm 1945; Vắng mặt

2.2 Bà Nguyễn Thị L2, sinh năm 1954; Vắng mặt

Ông T và bà L2 trú cùng địa chỉ: Số G, đường Bùi Quốc K, tổ H, khu phố L, phường Chánh N, thành phố T, tỉnh Bình Dương

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông Võ Thanh T, sinh năm 1978; địa chỉ: Số A, tổ B khu phố C, phường Chánh N, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Có đơn xin vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn bà Lý Bích L1 và quá trình giải quyết, ông Ngô Công H là người đại diện theo ủy quyền trình bày:

Bà Lý Bích L1 là chủ sử dụng phần đất có diện tích 45m², thuộc thửa đất số 332, tờ bản đồ số 32, tọa lạc tại phường Chánh N, thành phố T, tỉnh Bình Dương; theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CE906146, sổ vào sổ CS05834 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương cấp ngày 26/12/2016 mang tên bà Lý Bích L1. Phần đất có vị trí tứ cận như sau: Bắc và Đông giáp đất của bà Lý Bích Ng; Nam giáp đất của ông Lý T, ông Nguyễn Hoàng V; Tây giáp đường đất.

Quá trình quản lý sử dụng đất, bà L1 có nhu cầu xây dựng tường rào bao quanh để xác định rõ ranh giới, mốc giới thửa đất với các chủ sử dụng liền kề, cũng như xây dựng công trình trên đất để sử dụng. Tuy nhiên, vợ chồng bà Nguyễn Thị L2 và ông Lý T liên tục cản trở, không cho bà Lý Bích L1 đo đạc, cắm mốc để xây dựng hàng rào theo đúng diện tích 45m² đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại phần đất tiếp giáp với đất bà L2 và ông T. Đồng thời, vợ chồng bà L2 và ông T còn đổ các phế phẩm từ hoạt động sản xuất heo đất của gia đình lên phần đất nêu trên làm cản trở quyền sử dụng đất của bà Lý Bích L1. Do đó, bà Lý Bích L1 đã gửi đơn yêu cầu Ủy ban nhân dân phường Chánh N hòa giải tranh chấp giữa bà Lý Bích L1 với ông Thô, bà Liên. Ủy ban nhân dân phường Chánh N đã tiến hành hòa giải vào các ngày 15/02/2023 và ngày 03/3/2023, nhưng ông T, bà L2 đều không có mặt tham dự.

Nay bà Lý Bích L1 khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Lý T và bà Nguyễn Thị L2 chấm dứt hành vi cản trở quyền sử dụng của bà Lý Bích L1 đối với phần đất thuộc thửa đất số 332, tờ bản đồ số 32, tọa lạc tại phường Chánh N, thành phố T, tỉnh Bình Dương đúng theo ranh mốc, tọa độ của mảnh trích lục địa chính có đo đạc chính lý ngày 29/12/2023 có diện tích 45m².

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ cho bị đơn ông Lý T và bà Nguyễn Thị L2 các văn bản tố tụng của Tòa án. Tuy nhiên, ông T và bà L2 không gửi văn bản trình bày ý kiến trước yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không có đơn yêu cầu phản tố, không cung cấp tài liệu, chứng cứ cho Tòa án và cũng không đến Tòa án tham gia tố tụng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Võ Thanh T trình bày:

Ông Toàn là chồng của bà Lý Bích L1. Ông Toàn thống nhất với phần trình bày và yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn. Ngoài ra, không trình bày gì thêm.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn - Luật sư Trịnh Văn S trình bày:

Bà Lý Bích L1 đang là chủ quản lý, sử dụng hợp pháp phần đất có diện tích

45m², thuộc thửa đất số 332, tờ bản đồ số 32, tọa lạc tại phường Chánh N, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Nguồn gốc đất do nhận chuyển nhượng từ ông Lý Kim T. Diện tích đất ông T chuyển nhượng cho bà Liên căn cứ theo trích lục bản đồ địa chính cũng như Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BL596965, số vào sổ CH02435 do Ủy ban nhân dân thành phố T cấp ngày 20/11/2012 cho ông Lý Kim T là 45m², có một phần thửa đất tiếp giáp với thửa đất của ông Lý T. Sau khi nhận chuyển nhượng, bà Lý Bích L1 đã được Sở Tài Nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền trên đất số CE 906146, số vào sổ CS05843 ngày 26/12/2016, phần đất được cấp có diện tích 45m². Trong quá trình sử dụng đất, bà Lý Bích L1 luôn bị ông Lý T và bà Nguyễn Thị L2 có nhiều hành vi cản trở quyền sử dụng trong một thời gian dài. Cụ thể khi bà L1 có nhu cầu xây dựng hàng rào bao quanh thửa đất và xây dựng công trình trên đất để sử dụng thì ông T và bà L2 liên tục cản trở không cho đo đạc, không cho cắm mốc để xây dựng tại phần đất của bà Lý Bích L1 tiếp giáp với phần đất của ông T, bà L2; thể hiện qua giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả ngày 28/2/2023 của Trung tâm phục vụ hành chính công. Không những vậy, ông T và bà L2 còn đổ các phế phẩm từ hoạt động sản xuất heo đất của gia đình lên phần đất nêu trên cản trở quyền sử dụng đất của bà Lý Bích L1. Sự việc đã được Ủy ban nhân dân phường Chánh N tiến hành mời hòa giải nhiều lần, nhưng ông T và bà L2 không có mặt để tham dự. Mặt khác, khi Tòa án và Cơ quan chuyên môn đến đo đạc, xem xét thẩm định tại chỗ phần đất tranh chấp để giải quyết vụ án cũng bị ông T và bà L2 có hành vi cản trở không cho thực hiện. Chính các hành vi của ông Lý T và bà Nguyễn Thị L2 đã xâm phạm trực tiếp quyền và lợi ích hợp pháp của bà Lý Bích L1. Từ đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc ông Lý T và bà Nguyễn Thị L2 chấm dứt hành vi cản trở quyền sử dụng của bà Lý Bích L1 đối với phần đất có diện tích 45m², thuộc thửa đất số 332, tờ bản đồ số 32, tọa lạc tại phường Chánh N, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu:

Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến khi khai mạc phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán, Thư ký đã tiến hành đúng, đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định. Nguyên đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã thực hiện đúng và đầy đủ về quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định pháp luật. Đối với bị đơn chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, có đủ cơ sở để Tòa án xét xử vắng mặt các đương sự trong vụ án. Tại phiên tòa sơ thẩm, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định pháp luật. Kiểm sát viên không kiến nghị khác phục hay bổ sung gì khác.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lý Bích L1 đối với bị đơn ông Lý T và bà Nguyễn Thị L2 về việc yêu cầu ông Lý T và bà Nguyễn Thị L2 chấm dứt hành vi cản trở trái pháp luật đối với quyền sử dụng đất của bà Lý Bích L1 tại thửa đất số 332, tờ bản đồ số 32, có diện tích 45m², tọa lạc tại phường Chánh N, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Lý Bích L1 yêu cầu bị đơn ông Lý T và bà Nguyễn Thị L2 chấm dứt hành vi trái pháp luật, cản trở quyền sử dụng đất của bà Lý Bích L1 đối với phần đất có diện tích 45m², thuộc thửa đất số 332, tờ bản đồ số 32, tọa lạc tại phường Chánh N, thành phố T, tỉnh Bình Dương nên đây là vụ án “Yêu cầu chấm dứt hành vi cản trở trái pháp luật đối với quyền sử dụng đất” theo quy định tại Điều 169 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

[1.2]. Về thẩm quyền: Yêu cầu khởi kiện của bà Lý Bích L1 đối với ông Lý T và bà Nguyễn Thị L2 về việc yêu cầu chấm dứt hành vi trái pháp luật là loại việc thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án quy định tại khoản 2 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Tại thời điểm thụ lý, phần đất tọa lạc tại phường Chánh N, thành phố T, tỉnh Bình Dương nên căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Bình Dương.

[1.3]. Về việc tham gia phiên tòa của các đương sự: Nguyên đơn bà Lý Bích L1 do ông Ngô Công H đại diện theo ủy quyền; người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn ông Trịnh Văn S có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Đối với bị đơn ông Lý T và bà Nguyễn Thị L2 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia phiên tòa sơ thẩm, nhưng vắng mặt không có lý do. Ông Võ Thanh T là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt. Căn cứ quy định tại các Điều 227, 228 và 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự có tên nêu trên theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

[2] Qua xem xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[2.1] Bà Lý Bích L1 là chủ sử dụng phần đất có diện tích 45m², thuộc thửa đất số 332, tờ bản đồ số 32, tọa lạc tại phường Chánh N, thành phố T, tỉnh Bình Dương; theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CE906146, sổ vào sổ CS05834 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương cấp ngày 26/12/2016 mang tên bà Lý Bích L1. Về nguồn gốc đất, do bà Liên nhận chuyển nhượng của ông Lý Kim T. Về vị trí tứ cận, phần đất có cạnh hướng Nam giáp đất ông Lý T, bà Nguyễn Thị L2. Năm 2023, do có nhu cầu sử dụng đất nên bà L1 yêu cầu cơ quan chuyên môn tiến hành đo đạc lại phần đất của bà Liên để tiến hành xây dựng hàng rào bao quanh khu đất. Ngày 28/3/2023, khi cán bộ đo đạc của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố T và chính quyền địa phương đến phần đất của bà Lý Bích L1 tiến hành đo đạc thì vợ chồng ông Lý T và bà Nguyễn Thị L2 cản trở, không cho đo đạc, từ đó dẫn đến phát sinh tranh chấp.

[2.2] Đối với bị đơn ông Lý T và bà Nguyễn Thị L2 trong quá trình giải quyết vụ án, mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng đều vắng mặt không có lý do, không gửi văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và không cung cấp tài liệu, chứng cứ cho Tòa án, xem như ông Lý T và bà Nguyễn Thị L2 đã từ bỏ quyền chứng minh để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Tòa án căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp và do Tòa án thu thập để giải quyết vụ án theo quy định tại khoản 4 Điều 91 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2.3] Qua xem xét hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho bà Lý Bích L1, ông Lý Kim T thể hiện:

Tại biên bản mô tả ranh giới mốc thừa đất ngày 22 tháng 8 năm 2012 và Phiếu lấy ý kiến của khu dân cư về nguồn gốc và thời điểm sử dụng đất xác định ông Lý Kim T đã sử dụng phần đất có diện tích 45 m², thuộc thửa đất số 332, tờ bản đồ số 32, tọa lạc tại phường Chánh N, thành phố T, tỉnh Bình Dương từ năm 1981, không có tranh chấp và có ký xác nhận của những chủ sử dụng đất liên ranh là bà Lý Bích Ng, ông Lý T, bà Nguyễn Ngọc Mỹ Q, ông Nguyễn Hoàng V. Theo đơn đề nghị cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản khác gắn liền với đất ngày 07/11/2012, ông Lý Kim T đã được Ủy ban nhân dân thành phố T cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BL596965, số vào sổ CH02453 vào ngày 20/11/2012, diện tích được cấp là 45 m², hình thức sử dụng riêng, mục đích sử dụng đất trồng cây lâu năm.

Ngày 07 tháng 11 năm 2016, ông Lý Kim T cùng vợ là bà Tạ Ngọc Y đã ký kết hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất với bà Lý Bích L1 tại Văn phòng công chứng T. Ngày 26/12/2016, bà L1 được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CE906146, số vào sổ CS05834 với diện tích 45m², thuộc thửa đất số 332, tờ bản đồ số 32, tọa lạc tại phường Chánh N, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

[2.4] Đồng thời, qua làm việc với người làm chứng ông Lý Kim T trình bày phần đất bà Lý Bích L1 khởi kiện đối với ông Lý T, bà Nguyễn Thị L2 là nhận chuyển nhượng từ ông T. Phần đất có cạnh hướng Nam giáp đất ông T, bà L2, ranh đất giữa hai bên là hầm hồ bằng xi măng do ông T xây dựng, phần còn lại là hàng rào lưới B40. Quá trình quản lý, sử dụng đất, ông T và bà L2 cũng không có ý kiến hay tranh chấp gì về ranh đất giữa hai bên. Đến năm 2016, khi ông T chuyển nhượng phần đất nêu trên cho bà Lý Bích L1 đã có tiến hành đo đạc lại phần đất, ranh đất giữa hai bên vẫn là hầm hồ và lưới B40, diện tích đất là 45m².

[2.5] Quá trình giải quyết, ngày 23/6/2023, Tòa án cùng với cơ quan chuyên môn tiến hành đo đạc, xem xét thẩm định tại chỗ phần đất của bà Lý Bích L1 và ông Lý T, bà Nguyễn Thị L2. Tuy nhiên, ông Lý T và bà Nguyễn Thị L2 có những lời lẽ, hành vi cản trở không cho đo đạc nên Tòa án tiến hành lập biên bản hoãn đo đạc ngày 23/6/2023. Tòa án đã công văn số 40/TA-DS ngày 17/7/2023 đề nghị Ủy ban nhân dân phường Chánh N và Công an phường Chánh N hỗ trợ việc đo đạc đất tranh chấp. Ngày 04/8/2023, Tòa án và cơ quan chuyên môn tiến hành đo đạc có đại diện Ủy ban nhân dân phường Chánh N và đại diện Công an phường Chánh N chứng kiến, ông Lý T và bà Nguyễn Thị L2 không đồng ý cho đo đạc phần đất của ông T và bà L2, đối với phần đất của bà Lý Bích L1 thì hai bên xác định ranh bằng hai cột gỗ. Sau đó, bà Lý Bích L1 có văn bản yêu cầu lồng ghép tọa độ giữa bản vẽ thực tế và bản vẽ trích đo địa chính cấp đất cho bà L1. Kết quả tại mảnh trích đo ngày 29/12/2023 thể hiện phần đất của bà Lý Bích L1 qua đo đạc thực tế là 42,5m², đối chiếu lồng ghép thì diện tích đất của bà Lý Bích L1 là 45m². Và tại các bản đồ địa chính quy do Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố T cung cấp thì phần đất của Lý Bích L1 diện tích là 45m².

[2.6] Căn cứ quy định tại Điều 169 của Bộ luật Dân sự năm 2015 về quyền yêu cầu chấm dứt hành vi cản trở trái pháp luật đối với việc thực hiện quyền sở hữu, quyền khác đối với tài sản như sau:

“Khi thực hiện quyền sở hữu, quyền khác đối với tài sản, chủ thể có quyền yêu cầu người có hành vi cản trở trái pháp luật phải chấm dứt hành vi đó hoặc có quyền

yêu cầu Tòa án, cơ quan nhà nước có thẩm quyền khác buộc người đó chấm dứt hành vi vi phạm.

Xét thấy, bà Lý Bích L1 nhận chuyển nhượng của ông Lý Kim T quyền sử dụng đất tại thửa đất số 332, tờ bản đồ số 32, diện tích 45m², tọa lạc tại phường Chánh N, thành phố T, tỉnh Bình Dương đúng trình tự thủ tục theo quy định của pháp luật. Bà Lý Bích L1 đã được nhà nước công nhận quyền sử dụng đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CE 906146, số vào sổ CS05834 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương cấp ngày 26/12/2016 với diện tích được cấp là 45m². Cho nên, bà Lý Bích L1 có đầy đủ các quyền của chủ sử dụng đất theo quy định tại Điều 166 của Luật Đất đai năm 2013 mà không ai được cản trở. Tuy nhiên, khi bà Liên tiến hành sử dụng đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã được cấp cho bà thì phía bị đơn ông Lý T và bà Nguyễn Thị L2 lại có hành vi cản trở, cụ thể là cản trở không cho cơ quan chuyên môn tiến hành đo đạc phần đất của bà Lý Bích L1 là đã xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của người sử dụng đất được quy định tại Điều 12 của Luật Đất đai năm 2013. Do đó, việc nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn chấm dứt hành vi cản trở trái pháp luật quyền sử dụng đất của nguyên đơn tại thửa đất số 332, tờ bản đồ số 32, có diện tích 45m², tọa lạc tại phường Chánh N, thành phố T, tỉnh Bình Dương là có cơ sở chấp nhận, phù hợp quy định tại Điều 169 của Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 10 Điều 12, khoản 5 Điều 166 của Luật Đất đai năm 2013.

[3] Ý kiến của luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn bà Lý Bích L1 có căn cứ để Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa về tố tụng và quan điểm giải quyết vụ án là có cơ sở.

[5] Về chi phí tố tụng: Nguyên đơn tự nguyện chịu theo quy định pháp luật.

[6] Về án phí sơ thẩm: Bị đơn thuộc trường hợp miễn án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 39, các Điều 147, 157, 165, 227, 228, 235, 238, 266, 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 169 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 12, 166 của Luật Đất đai năm 2013;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lý Bích L1 đối với bị đơn ông Lý T và bà Nguyễn Thị L2 về việc “Yêu cầu chấm dứt hành vi cản trở trái pháp luật đối với quyền sử dụng đất”.

Buộc ông Lý T và bà Nguyễn Thị L2 chấm dứt hành vi cản trở trái pháp luật đối với quyền sử dụng đất của bà Lý Bích L1 tại thửa đất số 332, tờ bản đồ số 32, có diện tích 45m², tọa lạc tại phường Chánh N, thành phố T, tỉnh Bình Dương; theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CE 906146, số vào sổ CS05834 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương cấp ngày 26/12/2016 mang tên bà Lý Bích L1 và Mệnh trích lục địa chính có đo đạc chính lý ngày 29/12/2023.

(Sơ đồ bản vẽ kèm theo)

2. Về chi phí tố tụng: Nguyên đơn tự nguyện chịu số tiền 4.646.184 đồng (Bốn triệu sáu trăm bốn mươi sáu nghìn một trăm tám mươi bốn đồng), được khấu trừ tạm ứng đã nộp tại Tòa án.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông Lý T và bà Nguyễn Thị L2 được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

- Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T hoàn trả cho bà Lý Bích L1 số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2021/0002907 ngày 11/5/2023.

4. Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết theo luật định.

5. Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND Tp. T;
- Chi cục THADS Tp.T;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Ngọc Chung